



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2993.1863>

## PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG CÔNG AN NHÂN DÂN THÔNG QUA CHIẾN DỊCH HÀNH QUÂN XANH: NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN NINH NHÂN DÂN

Nguyễn Trường Giang

Phòng Quản lý học viên, Trường Đại học An ninh nhân dân, Việt Nam

Email: [giangdhannd@gmail.com](mailto:giangdhannd@gmail.com)

### Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 17/12/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 4/3/2026; Ngày duyệt đăng: 20/4/2026

### Tóm tắt

Trong bối cảnh đào tạo sĩ quan Công an nhân dân theo hướng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, việc phát triển kỹ năng mềm trở thành yêu cầu trọng yếu nhằm hình thành bản lĩnh, tác phong và năng lực thực hành nghề nghiệp cho sinh viên. Nghiên cứu này đánh giá tác động của Chiến dịch Hành quân xanh - mô hình học tập trải nghiệm phục vụ cộng đồng - đối với sự phát triển kỹ năng mềm của sinh viên các trường Công an nhân dân. Nghiên cứu sử dụng thiết kế bán thực nghiệm với 267 sinh viên Khóa D32 Trường Đại học An ninh nhân dân, đo lường sáu nhóm kỹ năng: giao tiếp, làm việc nhóm, thích ứng, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và quản lý thời gian. Dữ liệu được xử lý bằng SPSS 26.0, với kiểm định Cronbach's Alpha. Kết quả cho thấy các kỹ năng đều tăng có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ), đặc biệt là kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và thích ứng. Phân tích định tính từ 15 phỏng vấn sâu khẳng định trải nghiệm thực địa, tương tác cộng đồng và phân tư có hướng dẫn là yếu tố thúc đẩy chính cho sự phát triển kỹ năng mềm. Nghiên cứu khẳng định Chiến dịch Hành quân xanh là mô hình học tập hiệu quả, góp phần hiện thực hóa mục tiêu đào tạo người sĩ quan Công an "vừa hồng, vừa chuyên" trong kỷ nguyên mới.

**Từ khóa:** Hành quân xanh, học tập trải nghiệm, kỹ năng mềm, sinh viên Công an nhân dân, Trường Đại học An ninh nhân dân.

Trích dẫn: Nguyễn, T. G. (2026). Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên các Trường Công an Nhân dân thông qua Chiến dịch Hành quân xanh: Nghiên cứu thực nghiệm tại Trường Đại học An ninh Nhân dân. *Tap chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Online First*, 1-14. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2993.1863>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

**SOFT SKILLS DEVELOPMENT AMONG STUDENTS AT PEOPLE'S  
PUBLIC SECURITY UNIVERSITIES THROUGH THE  
"GREEN MARCH" CAMPAIGN: AN EXPERIMENTAL STUDY  
AT THE PEOPLE'S SECURITY UNIVERSITY**

**Nguyen Truong Giang**

*Student Management Office, People's Security University, Vietnam*

*Email: giangdhannd@gmail.com*

**Article history**

*Received: 17/12/2025; Received in revised form: 4/3/2026; Accepted: 20/4/2026*

**Abstract**

*On training officers for the People's Public Security force along the directions of regularity, professionalism and modernization, soft skills development has become a core requirement for shaping students' professional competence, demeanor and resilience. This study examines the impact of the "Green March" Campaign – an experiential community-service learning model – on soft skills development among students at People's Public Security universities. A quasi-experimental design was employed with 267 cadets from Cohort D32 at the People's Security University. It examined six skill groups of communication, teamwork, adaptability, problem-solving, critical thinking and time management. Data were analysed using SPSS 26.0, including reliability testing with Cronbach's alpha. The results indicate statistically significant improvements ( $p < 0.001$ ) across all skill groups, with the largest gains in communication, teamwork and adaptability. Qualitative analysis of 15 in-depth interviews further confirms that field-based practice, community interaction and guided reflection are key mechanisms underpinning soft skills development. The study concludes that the Green March Campaign is an effective experiential learning model that contributes to realizing the training goal of cultivating People's Public Security officers who are both politically steadfast and professionally competent in the new era.*

**Keywords:** *Experiential learning, Green March Campaign, People's Public Security students, People's Security University, soft skills.*

## 1. Giới thiệu

Trong bối cảnh các trường Công an nhân dân (CAND) hướng tới mục tiêu đào tạo sĩ quan chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, yêu cầu phát triển kỹ năng mềm ngày càng trở nên cấp thiết, nhằm hình thành bản lĩnh, tác phong, năng lực giao tiếp, phối hợp và thích ứng thực tiễn cho sinh viên trong môi trường công tác đặc thù. Thực tế cho thấy, hoạt động rèn luyện kỹ năng mềm trong các trường CAND chủ yếu diễn ra qua giờ học lý thuyết, mô phỏng tình huống hoặc huấn luyện nội trú, trong khi cơ hội trải nghiệm thực tế và phản tư có hướng dẫn còn hạn chế, dẫn đến khoảng cách giữa đào tạo và yêu cầu nghề nghiệp.

Trong bối cảnh đó, Chiến dịch Hành quân xanh - phong trào tình nguyện trọng điểm của tuổi trẻ CAND - được xem là một môi trường thuận lợi để gắn kết hoạt động đào tạo với thực tiễn cơ sở, thông qua các dự án, phần việc cụ thể vì cộng đồng. Trong những năm gần đây, Chiến dịch tình nguyện “Hành quân xanh” được các đơn vị Công an địa phương triển khai thường niên với nhiều hoạt động gắn với an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới và công tác dân vận, qua đó để lại ấn tượng tích cực trong Nhân dân và khẳng định vai trò xung kích vì cộng đồng của lực lượng Công an (Đại Dương, 2024; Đoàn Trường Đại học An ninh nhân dân, 2024; Ngử Đăng & Lan Anh, 2025; Thanh Mai & Thới Sơn, 2025). Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có nhiều nghiên cứu thực nghiệm đánh giá một cách hệ thống tác động của mô hình này đến sự phát triển kỹ năng mềm của sinh viên CAND.

Từ thực tế đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đo lường sự thay đổi kỹ năng mềm của sinh viên trước - sau khi tham gia Chiến dịch Hành quân xanh, đồng thời xem xét ảnh hưởng của mức độ tham gia, vai trò đảm nhiệm và phản tư có hướng dẫn đến mức độ phát triển kỹ năng. Nghiên cứu này đóng góp mới khi lần đầu tiên áp dụng thiết kế bán thực nghiệm để đo lường định lượng sự thay đổi kỹ năng mềm trong môi trường đào tạo CAND, kết hợp dữ liệu thực nghiệm – định tính nhằm chứng minh hiệu quả của mô hình học tập phục vụ cộng đồng.

Từ các phân tích trên, nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi sau: (1) *Kỹ năng mềm của sinh viên thay đổi như thế nào trước và sau Chiến dịch Hành quân xanh?* (2) *Những nhóm kỹ năng nào có mức thay đổi mạnh nhất?* (3) *Những yếu tố trải nghiệm nào (mức độ tham gia, vai trò đảm nhiệm, hoạt động phản tư) góp phần giải thích sự thay đổi kỹ năng mềm theo góc nhìn của sinh viên?*

## 2. Tổng quan lý thuyết và phát triển giả thuyết

### 2.1. Cơ sở lý luận về phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên Công an nhân dân

Kỹ năng mềm được xem là tập hợp các năng lực phi kỹ thuật giúp người học tương tác hiệu quả, thích ứng linh hoạt và làm việc có trách nhiệm trong môi trường học tập – nghề nghiệp (Heckman & Kautz, 2012; OECD, 2015a). Theo Arnold & cs. (2020, p. 60), kỹ năng mềm là “một tổ hợp năng động giữa các kỹ năng nhận thức và siêu nhận thức, kỹ năng liên nhân cách, trí tuệ và thực hành”, hình thành năng lực toàn diện cho người học trong bối cảnh lao động biến đổi nhanh. Culcasi & cs. (2022) nhấn mạnh rằng đây là năng lực then chốt hỗ trợ khả năng thích ứng và thành công nghề nghiệp trong nền kinh tế tri thức. Báo cáo của OECD (2015a) cũng chỉ ra rằng thiếu hụt kỹ năng mềm là rào cản đáng kể đối với quá trình chuyển đổi của sinh viên từ nhà trường sang thị trường lao động.

Trên cơ sở các quan niệm về kỹ năng mềm nêu trên, phát triển kỹ năng mềm được hiểu là quá trình hình thành, củng cố và nâng cao các năng lực phi kỹ thuật của người học, bao gồm năng lực giao tiếp, hợp tác, tư duy, thích ứng và tự quản lý, thông qua hoạt động học tập, rèn luyện và trải nghiệm trong những bối cảnh xã hội cụ thể. Khác với việc tiếp thu tri thức thuần túy, phát triển kỹ năng mềm là một quá trình tích lũy và chuyên hóa kinh nghiệm, trong đó

người học từng bước hình thành thái độ, hành vi và khả năng vận dụng linh hoạt các kỹ năng trong những tình huống thực tiễn (Heckman & Kautz, 2012; OECD, 2015b). Trong giáo dục đại học, quá trình này thường diễn ra thông qua sự kết hợp giữa học tập chính khóa, hoạt động trải nghiệm và tương tác xã hội, qua đó giúp người học chuyển hóa kinh nghiệm thành năng lực hành động và năng lực nghề nghiệp bền vững (Kolb, 1984; Culcasi & cs., 2023).

Đối với sinh viên các trường CAND, đặc thù đào tạo nội trú, kỷ luật cao và chú trọng huấn luyện chính trị, thể lực, nghiệp vụ tạo môi trường rèn luyện nghiêm ngặt nhưng đồng thời hạn chế cơ hội thực hành xã hội và phân tư liên tục – những yếu tố quan trọng để hình thành kỹ năng mềm. Vì vậy, việc xác định rõ cấu trúc kỹ năng mềm phù hợp với yêu cầu của người sĩ quan CAND là cần thiết.

Theo khung năng lực của OECD (2015b) và World Economic Forum (2020), kỹ năng mềm cốt lõi được nhóm thành ba lĩnh vực: (1) nhận thức bậc cao (cognitive skills), (2) xã hội – cảm xúc (social and emotional skills), và (3) tự quản lý (self-management skills). Trên cơ sở đó, nghiên cứu này lựa chọn sáu kỹ năng trọng tâm, kế thừa từ các khung năng lực quốc tế và điều chỉnh phù hợp với đặc thù đào tạo CAND:

- *Kỹ năng giao tiếp* - khả năng truyền đạt thông tin rõ ràng, lắng nghe tích cực và duy trì tương tác hiệu quả; là nền tảng của năng lực xã hội và hợp tác (Robles, 2012).

- *Kỹ năng làm việc nhóm* - năng lực phối hợp, chia sẻ trách nhiệm và đạt mục tiêu chung; được chứng minh có mối quan hệ tích cực với hiệu quả học tập và nghề nghiệp (Succi & Canovi, 2020).

- *Kỹ năng thích ứng* - khả năng điều chỉnh hành vi, cảm xúc và tư duy trước thay đổi, giúp người học linh hoạt trong môi trường có tính kỷ luật và áp lực cao (Hosseinioun et al., 2025).

- *Kỹ năng giải quyết vấn đề* - năng lực phân tích tình huống, xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp khả thi; phản ánh năng lực phân tư và thực hành nghiệp vụ (Sanatbay et al., 2025).

- *Kỹ năng tư duy phân biện* - khả năng đánh giá, lập luận logic và ra quyết định có căn cứ; là nền tảng cho hành động chính xác, có trách nhiệm trong công tác (Thornhill-Miller et al., 2023).

- *Kỹ năng quản lý thời gian* - năng lực sắp xếp, ưu tiên và tự điều chỉnh tiến độ công việc; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả học tập, sức khỏe tinh thần và khả năng tự học (Patzak et al., 2025).

Sáu kỹ năng trên phản ánh đầy đủ ba lĩnh vực năng lực theo mô hình OECD (2015b) - nhận thức, xã hội - cảm xúc và tự quản lý - đồng thời đáp ứng yêu cầu hình thành người sĩ quan CAND “vừa hồng, vừa chuyên” trong thời kỳ mới.

Tuy nhiên, trong khi các khung năng lực quốc tế (OECD, 2015b; World Economic Forum, 2020) đã xác lập cấu trúc kỹ năng mềm tương đối rõ, các bằng chứng thực nghiệm về sự phát triển các kỹ năng này trong môi trường đào tạo lực lượng vũ trang như các trường CAND vẫn còn hạn chế. Đặc thù tổ chức kỷ luật cao, sinh hoạt nội trú và cơ chế thực hiện nhiệm vụ theo đội hình có thể tạo ra cơ chế hình thành kỹ năng khác biệt so với môi trường đại học dân sự. Do đó, việc kiểm định thực nghiệm sự phát triển các nhóm kỹ năng trong bối cảnh này là cần thiết.

## **2.2 Cơ sở lý thuyết về học tập trải nghiệm và học vụ phục vụ cộng đồng**

Quan điểm học tập trải nghiệm của Kolb (1984) cho rằng tri thức được hình thành thông

qua quá trình chuyên hóa kinh nghiệm, gồm bốn giai đoạn: trải nghiệm cụ thể, quan sát phản tư, khái quát hóa trừu tượng và thử nghiệm chủ động. Mô hình này nhấn mạnh vai trò của hoạt động thực tiễn ngoài lớp học như một điều kiện để người học chuyên hóa kinh nghiệm thành năng lực thông qua phản tư và vận dụng trong bối cảnh mới.

Tiếp cận “học vụ phục vụ cộng đồng” (service-learning) phát triển từ nền tảng này và nhấn mạnh ba yếu tố cốt lõi: trải nghiệm thực tiễn, tham gia cộng đồng và phản tư có hướng dẫn (Eyler & Giles, 1999). Tổng quan hệ thống của Culcasi et al. (2023) cho thấy mô hình này có tác động tích cực đến phát triển kỹ năng mềm ở bậc đại học, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp và hợp tác.

Từ các khung lý thuyết trên có thể thấy, một môi trường học tập chỉ thực sự thúc đẩy phát triển kỹ năng mềm khi bảo đảm ba điều kiện: trải nghiệm thực tiễn có cấu trúc, tương tác xã hội thực chất và phản tư có định hướng.

Trong bối cảnh nghiên cứu này, Chiến dịch Hành quân xanh có thể được lý giải như một hình thức học tập trải nghiệm gắn với phục vụ cộng đồng, nơi sinh viên tham gia nhiệm vụ theo đội hình, tương tác trực tiếp với người dân và thực hiện phản tư sau hoạt động. Dưới góc nhìn của Kolb (1984), môi trường này tạo điều kiện chuyên hóa kinh nghiệm thành năng lực thông qua chu trình trải nghiệm - phản tư - khái quát hóa - vận dụng; đồng thời, theo tiếp cận của Eyler và Giles (1999), mức độ phát triển kỹ năng phụ thuộc vào chất lượng tham gia và chiều sâu phản tư. Như vậy, Hành quân xanh có thể được xem như một cơ chế giáo dục kỹ năng mềm phù hợp với đặc thù đào tạo CAND.

### **2.3. Bằng chứng nghiên cứu về hoạt động trải nghiệm và phát triển kỹ năng mềm**

Các nghiên cứu quốc tế cho thấy những hoạt động trải nghiệm có tổ chức như học tập gắn với phục vụ cộng đồng, hoạt động tình nguyện hoặc thực hành thực tế đều góp phần nâng cao kỹ năng mềm của người học. Ví dụ, Hoi (2020) khảo sát sinh viên và cho thấy trải nghiệm thực địa giúp phát triển kỹ năng hợp tác, giao tiếp và giải quyết vấn đề. Trong bối cảnh giáo dục đại học, Rahmaningtyas (2025) phân tích rằng học tập trải nghiệm làm tăng đáng kể kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo và thích ứng - yếu tố then chốt trong năng lực làm việc của thế kỷ 21.

Tại Việt Nam, mặc dù số công trình chưa nhiều trong lĩnh vực CAND, nghiên cứu của Phạm & cs. (2024) về sinh viên khối Công an cho thấy kỹ năng giao tiếp vẫn là điểm yếu lớn và cần được rèn luyện qua hoạt động thực tế. Điều này cho thấy việc ứng dụng mô hình trải nghiệm – tình nguyện cộng đồng trong đào tạo CAND là phù hợp và có tiềm năng.

## **3. Phương pháp nghiên cứu**

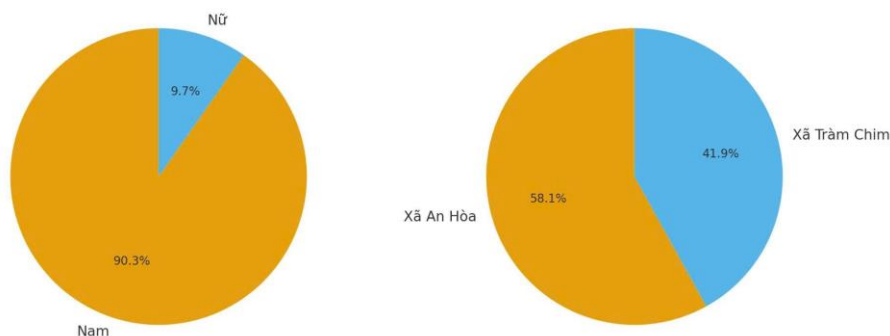
### **3.1 Thiết kế nghiên cứu**

Nghiên cứu sử dụng thiết kế bán thực nghiệm (quasi-experimental design) với mô hình đo trước - đo sau một nhóm (one-group pretest-posttest design), nhằm đánh giá tác động của hoạt động trải nghiệm trong Chiến dịch Hành quân xanh đến sự phát triển kỹ năng mềm của sinh viên. Phương pháp này được lựa chọn vì phù hợp với bối cảnh thực tế tại các trường CAND - nơi khó có thể tổ chức nhóm đối chứng - nhưng vẫn đảm bảo khả năng so sánh sự thay đổi của cùng một nhóm trước và sau can thiệp (Creswell & Creswell, 2018).

### **3.2. Đối tượng và mẫu nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu gồm 267 sinh viên Khóa D32 của Trường Đại học An ninh nhân dân, trong đó có 26 sinh viên nữ (9,7%) và 241 sinh viên nam (90,3%). Toàn bộ sinh viên đều tham gia Chiến dịch Hành quân xanh năm 2025 tại xã An Hòa và xã Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp, diễn ra từ ngày 20/10/2025 đến 09/11/2025 (trong thời gian 3 tuần).

Mẫu được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu toàn phần (census sampling), bảo đảm tính bao quát và phản ánh đầy đủ đặc trưng của tập thể sinh viên khóa D32 tham gia chiến dịch. Việc sử dụng mẫu toàn phần giúp tăng độ tin cậy của phân tích so sánh trước – sau và hạn chế sai lệch do chọn mẫu.



**Hình 1. Cơ cấu mẫu khảo sát theo giới tính và địa bàn hoạt động**

### 3.3. Công cụ và nội dung đo lường

Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi tự đánh giá kỹ năng mềm làm công cụ chính, được thiết kế dựa trên khung lý thuyết của Kolb (1984) và Culcasi & cs. (2023), đồng thời được hiệu chỉnh qua chuyên gia và thử nghiệm sơ bộ nhằm bảo đảm phù hợp với đặc thù đào tạo, rèn luyện và phục vụ cộng đồng của lực lượng CAND. Ý kiến tư vấn của ba chuyên gia được sử dụng để điều chỉnh nội dung, qua đó bảo đảm giá trị nội dung của thang đo trong bối cảnh đào tạo CAND.

Bảng hỏi gồm 30 biến quan sát, được thiết kế để đo lường sáu nhóm kỹ năng mềm trọng tâm của sinh viên. Cụ thể, (1) kỹ năng giao tiếp phản ánh khả năng truyền đạt, lắng nghe, thuyết phục và ứng xử văn hóa với cộng đồng; (2) kỹ năng làm việc nhóm thể hiện mức độ phối hợp, phân công nhiệm vụ và hỗ trợ lẫn nhau trong tập thể; (3) kỹ năng thích ứng đánh giá năng lực hòa nhập với môi trường sống, yêu cầu nhiệm vụ và đặc điểm văn hóa địa phương; (4) kỹ năng giải quyết vấn đề đo lường khả năng nhận diện, phân tích và xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn công tác; (5) tư duy phản biện phản ánh mức độ phân tích, đối chiếu, phản tư và hình thành nhận định độc lập trước các vấn đề nảy sinh; và (6) kỹ năng quản lý thời gian thể hiện khả năng lập kế hoạch, sắp xếp công việc và tuân thủ tiến độ trong điều kiện sinh hoạt, học tập và lao động tập thể.

Các mục hỏi được đánh giá theo thang Likert 5 mức (1 = Hoàn toàn không đồng ý → 5 = Hoàn toàn đồng ý). Bảng hỏi được phát hành hai giai đoạn: trước khi lên đường (Pre-test, 13–15/10/2025) và sau khi hoàn thành chiến dịch (Post-test, 10–12/11/2025). Độ tin cậy của thang đo được kiểm định qua hai bước. Trước hết, nhóm tác giả tiến hành khảo sát thử trên 30 sinh viên khóa D31 để rà soát ngôn ngữ, cấu trúc câu hỏi và độ ổn định nội tại của các nhóm mục. Kết quả cho thấy hệ số Cronbach's alpha của các nhóm kỹ năng dao động từ 0,83 đến 0,91, đạt mức khuyến nghị về tính nhất quán nội tại (Hair et al., 2021). Trên mẫu nghiên cứu chính thức gồm 267 sinh viên khóa D32, việc kiểm định lặp lại cho thấy các thang đo tiếp tục duy trì độ tin cậy cao, với Cronbach's alpha đều lớn hơn 0,80 cho sáu nhóm kỹ năng (giao tiếp, làm việc nhóm, thích ứng, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và quản lý thời gian). Các kết quả này cho phép sử dụng thang đo trong các phân tích tiếp theo.

### 3.4. Quy trình triển khai thực nghiệm

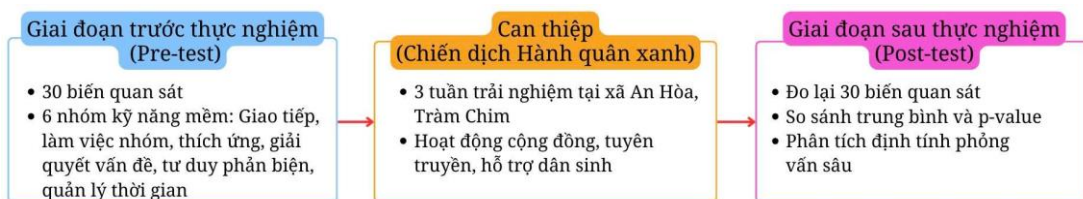
Nghiên cứu được tiến hành qua ba giai đoạn. Giai đoạn chuẩn bị (tháng 9 - đầu tháng 10/2025) tập trung xây dựng bộ công cụ khảo sát và kịch bản phỏng vấn, xin ý kiến thẩm định

của ba chuyên gia về đào tạo kỹ năng trong CAND, đồng thời lấy ý kiến đồng thuận tham gia của sinh viên.

Giai đoạn thực nghiệm (20/10 - 09/11/2025) được triển khai tại hai địa bàn xã An Hòa và Tràm Chim. Sinh viên được chia thành 14 đội hình (mỗi đội 18 - 20 người) đóng quân tại các hộ dân (“hộ nuôi quân”) và tham gia các hoạt động như tuyên truyền pháp luật, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, chăm lo an sinh xã hội, thăm gia đình chính sách và hướng dẫn kỹ năng sống cho học sinh tiểu học. Trong suốt quá trình, nhóm trưởng ghi nhật ký hoạt động nhằm đối chiếu và bổ trợ dữ liệu định tính.

Giai đoạn đánh giá và phân tích (10 - 20/11/2025) bao gồm phát phiếu khảo sát lần hai (Post-test), thu thập dữ liệu định lượng, đồng thời tiến hành phỏng vấn sâu bán cấu trúc, mã hóa và phân tích chủ đề để làm rõ cơ chế hình thành và thay đổi kỹ năng mềm của sinh viên sau chiến dịch.

Trong phần nghiên cứu định tính này, mẫu phỏng vấn ( $n = 15$ ) được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích nhằm bảo đảm sự đa dạng trải nghiệm theo ba tiêu chí: (i) giới tính; (ii) địa bàn tham gia (An Hòa/Tràm Chim); và (iii) mức độ thay đổi điểm kỹ năng trước – sau chiến dịch (nhóm tăng cao, trung bình và thấp). Cách lựa chọn này giúp tăng tính bao quát của dữ liệu định tính và hỗ trợ giải thích các kết quả định lượng.



**Hình 2. Mô hình thực nghiệm đánh giá tác động của Chiến dịch Hành quân xanh đến phát triển kỹ năng mềm của sinh viên Công an nhân dân**

Toàn bộ quá trình triển khai được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện và bảo mật thông tin. Các sinh viên tham gia được thông báo rõ về mục đích nghiên cứu, quyền rút lui bất cứ lúc nào, và việc dữ liệu chỉ được sử dụng cho mục đích học thuật. Nghiên cứu tuân thủ quy định đạo đức khoa học hiện hành.

### 3.5. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0. Độ tin cậy của các thang đo đã được kiểm định bằng hệ số Cronbach’s alpha như trình bày tại mục 3.3. Tiếp đó, thống kê mô tả (trung bình, độ lệch chuẩn) được sử dụng để xác định mức độ phát triển của từng nhóm kỹ năng mềm, và kiểm định cặp Paired Samples t-test được áp dụng nhằm so sánh điểm trung bình giữa hai thời điểm trước và sau Chiến dịch Hành quân xanh, qua đó đánh giá mức thay đổi có ý nghĩa thống kê. Song song với đó, dữ liệu định tính từ 15 phỏng vấn sâu được mã hóa và phân tích theo chủ đề (thematic analysis) nhằm làm rõ hơn cơ chế tác động của mô hình học tập trải nghiệm đến sự phát triển kỹ năng mềm.

## 4. Kết quả và thảo luận

### 4.1. Bối cảnh và kết quả triển khai thực nghiệm

Trên cơ sở thiết kế nghiên cứu và mẫu khảo sát đã trình bày ở phần phương pháp, mục này mô tả bối cảnh triển khai thực nghiệm và quy mô hoạt động của sinh viên trong Chiến dịch Hành quân xanh.

Chiến dịch Hành quân xanh diễn ra từ 20/10/2025 đến 09/11/2025, kéo dài 3 tuần. Các

đội hình được bố trí “cùng ăn, cùng ở, cùng làm” với người dân tại địa phương, trực tiếp tham gia tuyên truyền, hỗ trợ phòng chống tệ nạn xã hội, vệ sinh môi trường, giúp đỡ hộ nghèo, và tổ chức các hoạt động văn hóa - thể thao. Thống kê tổng kết hoạt động thực tế cho thấy, trong ba tuần triển khai tại xã An Hòa và Tràm Chim, 267 sinh viên khóa D32 đã đóng góp 4.828 ngày công lao động, tham gia dọn dẹp vệ sinh, phát quang bụi rậm với tổng chiều dài 32 km; xây dựng công trình “Tuyến đường hoa” dài 1,5 km và công trình “Ánh sáng đường quê” chiếu sáng 8 km đường làng; hỗ trợ chuyển đổi số cho 3.570 hộ dân, bổ sung 9.943 hồ sơ trên VNeID; đồng thời thực hiện nhiều hoạt động tuyên truyền pháp luật, phòng cháy chữa cháy, đền ơn đáp nghĩa và giao lưu văn hóa với người dân địa phương (Khoa Lý luận chính trị và Khoa học xã hội nhân văn, 2025).

Quy mô và cường độ tham gia thực tế này tạo nền tảng trải nghiệm quan trọng cho quá trình hình thành và phát triển kỹ năng mềm được phân tích ở các mục tiếp theo.

#### **4.2. So sánh điểm trung bình trước - sau thực nghiệm**

Kết quả kiểm định Paired Samples t-test cho thấy cả 6 nhóm kỹ năng mềm đều tăng có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ).

**Bảng 1. So sánh điểm trung bình các kỹ năng mềm trước và sau Chiến dịch Hành quân xanh**

<b>Kỹ năng</b>	<b>Trước chiến dịch (M ± SD)</b>	<b>Sau chiến dịch (M ± SD)</b>	<b>ΔM</b>	<b>t</b>	<b>p</b>
Giao tiếp	3,62 ± 0,48	4,41 ± 0,44	+0,79	15,72	<0,001
Làm việc nhóm	3,74 ± 0,46	4,49 ± 0,42	+0,75	13,89	<0,001
Thích ứng	3,70 ± 0,45	4,40 ± 0,43	+0,70	12,47	<0,001
Giải quyết vấn đề	3,59 ± 0,49	4,22 ± 0,46	+0,63	10,33	<0,001
Tư duy phản biện	3,41 ± 0,50	3,94 ± 0,47	+0,53	9,21	<0,001
Quản lý thời gian	3,55 ± 0,52	4,18 ± 0,47	+0,63	11,67	<0,001

*(Ghi chú: M = trung bình; SD = độ lệch chuẩn; ΔM = chênh lệch trung bình; t = giá trị kiểm định t; p = mức ý nghĩa thống kê)*

Nhìn tổng thể, điểm trung bình của cả sáu nhóm kỹ năng đều tăng từ mức khá (M khoảng 3,4-3,7) lên mức khá cao đến cao (M khoảng 3,9-4,5) trên thang đo 5 mức, cho thấy Chiến dịch Hành quân xanh có tác động tích cực và tương đối đồng đều đến năng lực của sinh viên. Mức tăng tuyệt đối (ΔM) dao động từ 0,53 đến 0,79 điểm, đều đạt ý nghĩa thống kê rất cao ( $p < 0,001$ ), phản ánh sự thay đổi không chỉ mang tính ngẫu nhiên mà gắn với trải nghiệm thực tiễn trong suốt 3 tuần hoạt động tại cơ sở.

Xét theo từng nhóm kỹ năng, giao tiếp và làm việc nhóm là hai lĩnh vực có mức cải thiện mạnh nhất (ΔM lần lượt là +0,79 và +0,75), đồng thời đạt điểm trung bình sau can thiệp cao nhất (M sau chiến dịch lần lượt là 4,41 và 4,49). Điều này phù hợp với đặc thù của các hoạt động “ba cùng”, tiếp xúc thường xuyên với người dân, làm việc theo đội hình và phối hợp với nhiều lực lượng tại địa phương. Nhóm kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề cũng ghi nhận mức tăng đáng kể (ΔM = +0,70 và +0,63), cho thấy việc sống, làm việc trong điều kiện mới, xử lý các tình huống phát sinh đã góp phần rèn luyện khả năng điều chỉnh hành vi, ứng phó linh hoạt với bối cảnh. Tư duy phản biện tuy có xuất phát điểm thấp nhất trong sáu nhóm kỹ năng (M trước = 3,41) nhưng vẫn tăng lên mức gần 4,0 (ΔM = +0,53), phản ánh sự cải thiện đáng kể về khả năng phân tích, suy ngẫm và đánh giá lại vấn đề sau các hoạt động

phản tư có hướng dẫn. Kỹ năng quản lý thời gian tăng ở mức tương đương giải quyết vấn đề ( $\Delta M = +0,63$ ), cho thấy môi trường sinh hoạt tập thể, kỷ luật quân ngũ kết hợp với lịch trình hoạt động dày đặc đã hỗ trợ sinh viên hình thành thói quen lập kế hoạch và tuân thủ tiến độ tốt hơn.

### 4.3. Phân tích chi tiết kết quả theo từng nhóm kỹ năng

Dựa trên các kết quả tổng quát ở Bảng 1, phần này phân tích chi tiết sự thay đổi của từng nhóm kỹ năng mềm, kết hợp dữ liệu định lượng và trích dẫn định tính từ phỏng vấn sinh viên.

#### (1) Kỹ năng giao tiếp

Tăng mạnh nhất ( $\Delta M = +0,79$ ) nhờ các hoạt động tuyên truyền, tiếp xúc trực tiếp với người dân. Sinh viên buộc phải điều chỉnh ngôn ngữ, thái độ và phong cách giao tiếp cho phù hợp với văn hóa cộng đồng địa phương.

*“Ngày đầu nói chuyện bà con còn ngại, sau vài hôm bọn em quen hơn, biết mở đầu câu chuyện nhẹ nhàng, dễ nghe hơn.”* (Phỏng vấn sinh viên nữ - An Hòa) *“Trước em nói toàn lý thuyết, giờ gặp người dân em biết dùng ví dụ gần gũi hơn.”* (Phỏng vấn sinh viên nam – Tràm Chim)

Điều này tương đồng với nhận định của Eyer và Giles (1999), rằng học tập phục vụ cộng đồng giúp sinh viên phát triển mạnh kỹ năng giao tiếp qua trải nghiệm thực tiễn và phản hồi tức thời từ cộng đồng.

#### (2) Kỹ năng làm việc nhóm

Mức tăng cao ( $\Delta M = +0,75$ ) cho thấy mô hình sinh hoạt và làm việc theo “hộ nuôi quân” đã tạo ra môi trường rèn luyện rất rõ về tinh thần phối hợp, phân công và trách nhiệm chung. Sinh viên không chỉ cùng ăn, cùng ở, cùng lao động mà còn phải cùng nhau lập kế hoạch, chia việc, hỗ trợ nhau hoàn thành chỉ tiêu từng ngày.

*“Ở cùng nhóm 10 người, ai cũng phải góp tay. Nếu một người chậm là cả nhóm bị ảnh hưởng, nên tụi em học cách hỗ trợ nhau.”* (Phỏng vấn sinh viên nam – Tràm Chim)

Sự cải thiện này phù hợp với quan điểm của Kolb (1984) về chu trình học tập trải nghiệm, khi cá nhân được đặt vào bối cảnh thực hành và phản tư liên tục trong nhóm.

#### (3) Kỹ năng thích ứng

Mức tăng đáng kể ( $\Delta M = +0,70$ ) có thể lý giải từ việc sinh viên phải sống và làm việc trong điều kiện rất khác so với môi trường học tập nội trú thường ngày: lịch trình thay đổi liên tục theo thời tiết, địa hình ngập nước, điều kiện ăn ở và phương tiện hỗ trợ còn hạn chế. Trong bối cảnh đó, các em buộc phải điều chỉnh kế hoạch, cách thức triển khai nhiệm vụ và thói quen sinh hoạt.

Một sinh viên nữ tại An Hòa chia sẻ: *“Hôm trời mưa, tụi em phải dời lịch vận động sang chiều, linh hoạt chia nhóm nhỏ đi từng cụm hộ. Làm vậy hiệu quả hơn hẳn so với cố làm cho xong theo lịch cũ.”*

Tại Tràm Chim, đặc thù ngập nước lại đặt ra yêu cầu thích ứng về an toàn lao động: *“Ở Tràm Chim nước cao, em phải học cách di chuyển và làm việc an toàn, quan sát dòng nước, chỗ nào trơn trượt, chỗ nào sâu để nhắc nhau, chứ không thể đi lại như trong trường”* một sinh viên nam cho biết.

Những trải nghiệm này cho thấy chiến dịch buộc sinh viên liên tục “ra khỏi vùng an toàn”, tăng dần khả năng điều chỉnh hành vi trước biến động của môi trường; kết quả này phù

hợp với nhận định của Culcasi & cs. (2023) rằng trải nghiệm trong các bối cảnh mở rộng, biến động là yếu tố quan trọng thúc đẩy năng lực thích ứng và tính linh hoạt trong ra quyết định của sinh viên.

#### *(4) Kỹ năng giải quyết vấn đề*

Các tình huống bất ngờ như hộ dân từ chối hợp tác, thiếu thiết bị, xung đột về thời gian... trở thành “bài học sống động” buộc sinh viên phải nhanh chóng quan sát, phân tích nguyên nhân, đề xuất phương án và điều chỉnh cách triển khai nhiệm vụ. Thay vì chỉ làm theo kế hoạch có sẵn, các em phải liên tục lập lại chu trình: lập phương án - thực hiện - kiểm tra kết quả - điều chỉnh cách làm ngay tại hiện trường.

Một sinh viên nam tại xã An Hòa chia sẻ: “*Máy bơm bị hỏng ngay trước khi phun rửa, tụi em hợp nhanh, mượn tạm máy hộ bên cạnh rồi điều chỉnh lại kế hoạch cho kịp giờ hẹn với bà con.*”

Một nữ sinh viên khác kể về tình huống xử lý khi nước lũ làm sạt một đoạn bờ kè: “*Đêm đó mưa lớn, nước lên nhanh, tụi em cùng đoàn viên địa phương chia nhóm đi gia cố đoạn bờ bị sạt, kê bao cát, dùng thêm cây, tre để chèn lại, tạm thời giữ được dòng chảy, sáng hôm sau mới huy động lực lượng làm kiên cố hơn.*”

Những trải nghiệm này cho thấy chiến dịch không chỉ rèn luyện kỹ năng xã hội mà còn góp phần phát triển năng lực phân tích tình huống, lựa chọn phương án tối ưu và ứng phó linh hoạt trước biến cố - những phẩm chất đặc biệt quan trọng trong thực tiễn công tác công an.

#### *(5) Tư duy phản biện*

Mặc dù mức tăng điểm trung bình thấp hơn so với các nhóm kỹ năng khác ( $\Delta M = +0,53$ ), đây vẫn là một kết quả tích cực. So với các kỹ năng mang tính xã hội như giao tiếp hay hợp tác, tư duy phản biện đòi hỏi quá trình hình thành thói quen suy nghĩ độc lập và phân tích đa chiều. Trong môi trường đào tạo CAND, nơi tính kỷ luật và thực hiện nhiệm vụ theo phân công được đề cao, việc chuyển từ “làm theo hướng dẫn” sang chủ động đặt câu hỏi và xem xét nguyên nhân gốc rễ thường diễn ra từng bước.

Qua chiến dịch, nhiều sinh viên cho biết các em bắt đầu tự nhìn lại cách làm và đặt câu hỏi “*vì sao lại như vậy?*”. Một sinh viên nữ tại xã Tràm Chim chia sẻ: “*Trước em chỉ nói theo hướng dẫn, giờ biết hỏi ‘tại sao bà con lại chưa làm?’ rồi tìm nguyên nhân.*” Trải nghiệm thực tiễn này cho thấy sinh viên đã bước đầu hình thành tư duy phân tích nguyên nhân - hệ quả và điều chỉnh hành động phù hợp với bối cảnh.

Theo quan điểm học tập trải nghiệm, sự phát triển tư duy phản biện phụ thuộc đáng kể vào chiều sâu của hoạt động phản tư có hướng dẫn (Kolb, 1984; Eyler & Giles, 1999). Nếu phản tư chưa được cấu trúc đầy đủ, mức cải thiện có thể khiêm tốn hơn so với các kỹ năng khác. Điều này gợi ý cần tăng cường các hoạt động phản tư có định hướng nhằm củng cố năng lực lập luận và phân tích của sinh viên.

#### *(6) Kỹ năng quản lý thời gian*

Mức tăng điểm khá rõ ( $\Delta M = +0,63$ ) phản ánh việc tham gia chiến dịch buộc sinh viên phải tự tổ chức lại nhịp sống hằng ngày trong điều kiện kỷ luật cao, cường độ hoạt động dày và khung giờ cố định. Thay vì chỉ tuân theo thời khóa biểu do nhà trường sắp xếp, các em phải chủ động phân chia quỹ thời gian giữa lao động, sinh hoạt tập thể, nghỉ ngơi, chuẩn bị nội dung làm việc với người dân và ghi chép báo cáo cuối ngày. Quá trình đó hình thành thói quen lập kế hoạch, sắp xếp thứ tự ưu tiên và kiểm soát tiến độ công việc.

Một sinh viên nam tại xã An Hòa chia sẻ: “*Tối nào cũng hợp 15 phút để chốt công việc*

*hôm sau, nên sáng dậy không bị cuống, ai làm gì đã rõ từ hôm trước.”*

Một sinh viên nữ ở Tràm Chim cho biết: *“Ba tuần giúp em biết phân chia việc, đặt mục tiêu mỗi ngày, như sáng làm xong mấy tuyến đường, chiều tranh thủ thêm được bao nhiêu hộ. Trước đây em hay để dồn việc tới cuối tuần, giờ biết chia nhỏ ra từng ngày.”*

Những trải nghiệm đó cho thấy chiến dịch không chỉ rèn luyện tác phong kỷ luật mà còn giúp sinh viên hình thành kỹ năng quản lý thời gian theo hướng tự chủ hơn: tự đặt mục tiêu, chia nhỏ nhiệm vụ, theo dõi mức độ hoàn thành và điều chỉnh lịch cá nhân. Điều này phù hợp với lý thuyết tự điều chỉnh học tập của Zimmerman (2000), trong đó nhấn mạnh vai trò của việc lập kế hoạch, giám sát tiến độ và tự đánh giá trong những môi trường hoạt động có kỷ luật chặt chẽ.

#### **4.4. Thảo luận tổng hợp**

Kết quả nghiên cứu cho thấy Chiến dịch Hành quân xanh đã tạo ra những thay đổi tích cực và toàn diện trong sự phát triển kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học An ninh nhân dân. Dữ liệu định lượng chỉ ra rằng cả sáu nhóm kỹ năng được khảo sát đều tăng có ý nghĩa thống kê, trong khi dữ liệu định tính mã hóa cho thấy sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức, hành vi và khả năng tự điều chỉnh của người học. Sự hội tụ giữa hai nguồn dữ liệu này khẳng định hiệu quả của mô hình học tập phục vụ cộng đồng trong môi trường đào tạo mang tính kỷ luật và tập thể cao của lực lượng CAND.

Trước hết, kết quả củng cố cơ sở lý luận của mô hình học tập trải nghiệm của Kolb (1984), theo đó kỹ năng được hình thành thông qua chu trình “trải nghiệm - phản tư - khái quát hóa - vận dụng”. Các hoạt động thực tế như tuyên truyền, lao động công ích và tiếp xúc cộng đồng đã tạo điều kiện để sinh viên chuyển hóa tri thức lý thuyết thành kinh nghiệm thực tiễn, qua đó phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề. Hoạt động phản tư cá nhân và thảo luận nhóm sau mỗi ngày công tác đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố nhận thức và kỹ năng nghề nghiệp.

Kết quả nghiên cứu cũng phù hợp với lập luận của Eyer và Giles (1999) về vai trò của tương tác xã hội trong phát triển năng lực xã hội - cảm xúc. Sinh viên tham gia chiến dịch cho thấy sự cải thiện rõ rệt về khả năng thích ứng với môi trường mới, điều chỉnh hành vi phù hợp với bối cảnh cộng đồng và tăng cường tinh thần tập thể. Trong môi trường đào tạo CAND, các trải nghiệm này đồng thời góp phần hình thành bản lĩnh chính trị và phẩm chất nghề nghiệp của người sĩ quan tương lai.

Kết quả cũng phản ánh cơ chế tự điều chỉnh học tập được Zimmerman (2000) mô tả, trong đó người học chủ động lập kế hoạch, kiểm soát tiến độ và tự đánh giá hoạt động của bản thân. Việc sinh hoạt và làm việc “ba cùng” với Nhân dân đã thúc đẩy sinh viên hình thành thói quen quản lý thời gian, đặt mục tiêu và phản tư hành động. Những biểu hiện này cho thấy sự phát triển của năng lực tự học và tự rèn - nền tảng quan trọng của học tập suốt đời trong giáo dục hiện đại (OECD, 2015b).

So với các nghiên cứu quốc tế về học tập phục vụ cộng đồng (Culcasi & cs., 2023), mô hình Hành quân xanh thể hiện nét đặc thù của Việt Nam khi kết hợp giữa học tập trải nghiệm và giáo dục chính trị - xã hội. Không chỉ hỗ trợ phát triển kỹ năng mềm, hoạt động này còn góp phần củng cố giá trị “vì Nhân dân phục vụ” và bản lĩnh nghề nghiệp của sinh viên trong môi trường lực lượng vũ trang. Do đó, Hành quân xanh có thể được xem là một mô hình giáo dục tích hợp, góp phần hình thành người sĩ quan CAND “vừa hồng vừa chuyên”.

Tổng hợp các luận cứ trên cho thấy, mô hình học tập trải nghiệm theo định hướng phục vụ cộng đồng có thể được xem như một giải pháp hiệu quả trong phát triển kỹ năng mềm và phẩm chất nghề nghiệp cho sinh viên CAND. Nghiên cứu này không chỉ góp phần khẳng định

giá trị thực tiễn của Hành quân xanh, mà còn mở ra hướng tiếp cận mới trong đổi mới quản lý và tổ chức đào tạo kỹ năng mềm theo chuẩn đầu ra nghề nghiệp trong hệ thống các trường CAND.

## **5. Kết luận và hàm ý chính sách**

### **5.1. Kết luận**

Kết quả thực nghiệm cho thấy Chiến dịch Hành quân xanh tạo tác động tích cực rõ rệt đến sự phát triển kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học An ninh nhân dân. Sáu nhóm kỹ năng được khảo sát - giao tiếp, làm việc nhóm, thích ứng, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và quản lý thời gian - đều tăng có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ), trong đó giao tiếp, làm việc nhóm và thích ứng có mức cải thiện mạnh nhất. Các phát hiện này củng cố giá trị của lý thuyết học tập trải nghiệm (Kolb, 1984) và mô hình học vụ phục vụ cộng đồng (Eyler & Giles, 1999), khẳng định hiệu quả của hoạt động “học từ thực tiễn” trong môi trường rèn luyện có tính kỷ luật đặc thù.

Về mặt lý luận, nghiên cứu góp phần bổ sung minh chứng thực nghiệm cho các mô hình học tập trải nghiệm trong đào tạo CAND, làm rõ cơ chế tác động của trải nghiệm cộng đồng đến sự phát triển kỹ năng mềm. Về mặt thực tiễn, Chiến dịch Hành quân xanh chứng minh khả năng kết hợp giữa rèn luyện kỹ năng xã hội, bản lĩnh chính trị và năng lực ứng xử nhân văn, góp phần hình thành phẩm chất “Vi Nhân dân phục vụ” - cốt lõi của người sĩ quan CAND trong kỷ nguyên mới.

Chiến dịch Hành quân xanh, với đặc trưng “3 cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm), không chỉ là hoạt động phong trào mà còn là mô hình học tập phục vụ cộng đồng có giá trị chiến lược, góp phần hiện thực hóa mục tiêu đào tạo sĩ quan “vừa hồng, vừa chuyên” trong các trường CAND.

### **5.2. Hàm ý chính sách**

*Đối với Bộ Công an:*

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, Bộ Công an có thể xem xét sử dụng Chiến dịch Hành quân xanh như một mô hình tham chiếu khi hoàn thiện các văn bản chỉ đạo về đào tạo kỹ năng mềm trong CAND. Thay vì quy định ngay thành một học phần độc lập, trước mắt có thể ban hành khung định hướng chung về việc tích hợp hoạt động phục vụ cộng đồng vào chương trình đào tạo, kèm theo bộ tiêu chí gợi ý để các trường tham khảo khi xây dựng chuẩn đầu ra kỹ năng mềm theo sáu nhóm năng lực của nghiên cứu. Đồng thời, khuyến khích mở rộng các chương trình phối hợp giữa nhà trường CAND và chính quyền địa phương theo hướng thường xuyên, có kế hoạch và gắn với nhiệm vụ học tập – rèn luyện của sinh viên, qua đó tránh tình trạng hoạt động cộng đồng chỉ mang tính phong trào, ngắn hạn.

*Đối với các học viện, trường CAND:*

Cần thiết kế chu trình huấn luyện kỹ năng mềm theo mô hình PDCA (Plan - Do - Check - Act), kết hợp ba giai đoạn: tiền thực địa - thực địa - hậu thực địa. Các trường nên xây dựng ngân hàng tình huống và sổ tay phản tư kỹ năng, giúp sinh viên tự đánh giá và phát triển năng lực cá nhân. Đồng thời, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên kỹ năng mềm có hiểu biết về giáo dục trải nghiệm và tâm lý học cộng đồng để nâng cao chất lượng hướng dẫn thực tế.

*Đối với địa phương phối hợp:*

Cần tăng cường liên kết với các trường CAND trong việc xác định nhu cầu thực tiễn, bảo đảm chiến dịch vừa phục vụ nhiệm vụ dân sinh vừa gắn với mục tiêu đào tạo nghề nghiệp. Ngoài ra, nên thiết lập cơ chế phản hồi hai chiều giữa người dân, lãnh đạo địa phương và nhà trường để đánh giá hiệu quả kỹ năng mềm của sinh viên - qua đó cung cấp dữ liệu quý phục

vụ cho việc cải tiến chương trình đào tạo trong tương lai.

Nghiên cứu này có một số hạn chế cần được xem xét. Thứ nhất, dữ liệu định lượng chủ yếu dựa trên tự đánh giá của sinh viên nên có thể chịu ảnh hưởng của thiên lệch xã hội. Thứ hai, thiết kế một nhóm đo trước - sau chưa cho phép so sánh với nhóm đối chứng, do đó khả năng suy luận nhân quả còn giới hạn. Ngoài ra, dữ liệu định tính được thu thập từ một số lượng phỏng vấn có chủ đích nên chủ yếu phục vụ mục tiêu giải thích sâu, chưa hướng tới khái quát rộng. Các nghiên cứu tiếp theo nên kết hợp đánh giá đa nguồn và thiết kế thực nghiệm có nhóm đối chứng để tăng độ tin cậy và khả năng khái quát hóa kết quả.

**Lời cảm ơn:** Tác giả xin trân trọng cảm ơn Lãnh đạo Phòng Quản lý sinh viên, Trường Đại học An ninh nhân dân đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tổ chức triển khai khảo sát phục vụ nghiên cứu. Tác giả cũng chân thành cảm ơn các đồng chí chủ nhiệm trung đội và toàn thể sinh viên khóa D32 đã nhiệt tình phối hợp, cung cấp thông tin và chia sẻ những trải nghiệm thực tiễn quý báu, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành bài báo này.

### **Tài liệu tham khảo**

- Arnold, R., Cinque, M., Uggeri, M., & Mazalu, M. (2020). *Soft skills and their role in employability: New perspectives in teaching, assessment and certification*. Springer.
- Braun, V., & Clarke, V. (2006). Using thematic analysis in psychology. *Qualitative Research in Psychology*, 3(2), 77–101. <https://doi.org/10.1191/1478088706qp063oa>
- Creswell, J. W., & Creswell, J. D. (2018). *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches* (5th ed.). Sage.
- Culcasi, L., Russo, M., & Cinque, M. (2022). Soft skills in higher education: A systematic review of European frameworks. *Tuning Journal for Higher Education*, 10(2), 55–78. [https://doi.org/10.18543/tjhe-10\(2\)-2022pp55-78](https://doi.org/10.18543/tjhe-10(2)-2022pp55-78)
- Culcasi, L., Russo, V., & Cinque, M. (2023). Service-learning and soft skills in higher education: A systematic literature review. *Form@re – Open Journal for Research in Formative Education*, 23(2), 130–148. <https://doi.org/10.13128/formare-14639>
- Đại Dương. (2024, August 14). Ý nghĩa từ chiến dịch “Hành quân xanh”. *Báo Cà Mau*. Truy cập từ <https://baocamau.vn/y-nghia-tu-chien-dich-hanh-quan-xanh--a33917.html>
- Đoàn Trường Đại học An ninh nhân dân. (2024, August 8). Lễ xuất quân Chiến dịch Hành quân xanh “Dấu chân An ninh tình nguyện” năm 2024 của Khóa D31. *Trường Đại học An ninh nhân dân*. Truy cập từ <https://dhannd.bocongan.gov.vn/le-xuat-quan-chien-dich-hanh-quan-xanh-dau-chan-an-ninh-tinh-nguyen-nam-2024-cua-khoa-d31-a-3205>
- Eyler, J., & Giles, D. E., Jr. (1999). *Where’s the learning in service-learning?* Jossey-Bass.
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2021). *Multivariate data analysis* (8th ed.). Cengage Learning.
- Heckman, J., & Kautz, T. (2012). Hard evidence on soft skills. *Labour Economics*, 19(4), 451–464. <https://doi.org/10.1016/j.labeco.2012.05.014>
- Hoi, T. H. (2020). Developing soft skills for students via experiential learning. *ACM International Conference Proceedings*. <https://doi.org/10.1145/3429630.3429640>
- Hosseinioun, S., Farnham, A., & Cascio, W. (2025, August). Soft skills matter now more than ever, according to new research. *Harvard Business Review*. Truy cập từ <https://hbr.org/2025/08/soft-skills-matter-now-more-than-ever-according-to-new-research>
- Khoa Lý luận chính trị và Khoa học xã hội nhân văn. (2025, November 8). Trường Đại học

- An ninh nhân dân tổ chức tổng kết hoạt động thực tế cho học viên khoá D32 tại tỉnh Đồng Tháp. *Trường Đại học An ninh nhân dân*. Truy cập từ <https://dhannd.bocongan.gov.vn/tin-dai-hoc-annd/truong-dai-hoc-an-ninh-nhan-dan-to-chuc-tong-ket-hoat-dong-thuc-te-cho-hoc-vien-khoa-d32-tai-tinh-dong-thap-a-3907>
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice Hall.
- Ngữ Đăng, & Lan Anh. (2025, June 17). Công an thành phố Cần Thơ ra quân Chiến dịch “Hành quân xanh” năm 2025. *Bộ Công an*. Truy cập từ <https://bocongan.gov.vn/bai-viet/cong-an-thanh-pho-can-tho-ra-quan-chien-dich-hanh-quan-xanh-nam-2025-d25-t45620>
- OECD. (2015a). *OECD skills outlook 2015: Youth, skills and employability*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9789264234178-en>
- OECD. (2015b). *Skills for social progress: The power of social and emotional skills*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9789264226159-en>
- Patzak, A., Keller, R., & Fuchs, P. (2025). Boosting productivity and wellbeing through time management in higher education. *Frontiers in Education, 10*, 1623228. <https://doi.org/10.3389/feduc.2025.1623228>
- Phạm, Đ. T., Đặng, V. C., Nguyễn, V. H. L., Tô, V. H., & Vũ, T. N. (2024). Nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Học viện An ninh Nhân dân. *Tap chí Thiết bị Giáo dục*, 308(1), 86-89.
- Rahmaningtyas, W. (2025). How experiential learning supercharges employability skills. *Asian Journal of University Education, 21*(1), 164-170. <https://doi.org/10.24191/ajue.v21i1.19201>
- Robles, M. M. (2012). Executive perceptions of the top 10 soft skills needed in today’s workplace. *Business Communication Quarterly, 75*(4), 453-465. <https://doi.org/10.1177/1080569912460400>
- Sanatbay, A., Sadykova, D., & Kadirbayev, B. (2025). Problem-oriented learning as a method of developing soft skills among students. *Education Sciences, 15*(7), 861. <https://doi.org/10.3390/educsci15070861>
- Succi, C., & Canovi, M. (2020). Soft skills to enhance graduate employability: Comparing students and employers’ perceptions. *Studies in Higher Education, 45*(9), 1834-1847. <https://doi.org/10.1080/03075079.2019.1585420>
- Thanh Mai, & Thới Sơn. (2025). Sôi nổi những hoạt động trong Chiến dịch “Hành quân xanh” năm 2025. *Công an tỉnh Đồng Tháp*. Truy cập từ [https://congan.dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset\\_publisher/wbj7qfWZntAi/content/id/25469646](https://congan.dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset_publisher/wbj7qfWZntAi/content/id/25469646)
- Thornhill-Miller, B., Esfahani, S. H., & Behjat, F. (2023). Creativity, critical thinking, communication and collaboration (the 4 Cs) as 21st-century skills. *Frontiers in Psychology, 14*, 10054602. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2023.10054602>
- World Economic Forum. (2020). *The future of jobs report 2020*. Geneva: Author.
- Zimmerman, B. J. (2000). Attaining self-regulation: A social cognitive perspective. In M. Boekaerts, P. R. Pintrich, & M. Zeidner (Eds.), *Handbook of self-regulation* (pp. 13-39). Academic Press.